

Bản án số: 47/2023/DSPT

Ngày: 30/3/2023

V/v: “Yêu cầu bồi thường thiệt hại
do người thi hành công vụ gây ra
trong hoạt động thi hành án”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
Với Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Lan Hương**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Bá Nhu**

Bà **Lê Thị Ký**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Út**

Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phùng Đức Nam**
– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 160/2021/TLPT-DS ngày 13/12/2021 về việc: “Yêu cầu bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động thi hành án”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DSST ngày 02/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐ-PT ngày 27/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2023/QĐ-HPT ngày 27/02/2022 và Thông báo dời phiên tòa số 206/TB-TA ngày 23/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa:

- *Nguyên đơn:*

- Bà **Trần Thị V**, sinh năm 1958;
- Chị **Nguyễn Thị Thúy Ng**, sinh năm 1985;
- Anh **Nguyễn Khánh Th**, sinh năm 1987;
- Chị **Nguyễn Trần Phương Ng1**, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn TB, huyện TB, Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty Luật TNHH MTV An Bình P do bà **Trần Thị Hải A** – Giám đốc công ty đại diện.

(Văn bản ủy quyền ngày 21/02/2023)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Minh Đ** thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* **Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Đồng Nai.**

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh H - chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện TB.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Hoài Trung D** - chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện TB.

(Văn bản ủy quyền ngày 11/01/2018).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Lê Thị Kim Th**, sinh năm 1967.

Nơi làm việc: Chi cục thi hành án dân sự huyện TN, tỉnh Đồng Nai - Khu hành chính huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Ngô Thị C**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Đức C, khu phố 5, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

3. **Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển VN.**

Địa chỉ trụ sở: Tháp BIDV, 35 Hàng V, HK, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Văn D**, chức vụ: Cán bộ kiểm soát phòng quản lý rủi ro.

Địa chỉ: Ấp Trần Cao Vân, xã Bàu Hàm 2 (nay là khu phố Trần Cao V, thị trấn DG), huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 28/3/2018).

4. Ông **Trần Thanh H**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

5. Ông **Trần Trung Nh**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 90/6/2 khu phố 3, phường TB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

6. Ông **Nguyễn Đình Th**, sinh năm 1979.

Nơi làm việc: Chi cục thi hành án dân sự huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Các nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim Th.

(Bà Hải A, luật sư Đ, ông D, bà Th có mặt; các đương sự còn lại xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo lời trình bày của các đương sự, các tài liệu có tại hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

- Các nguyên đơn trình bày:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 146/2006/VA-DSST ngày 20/10/2006, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đã quyết định: Buộc ông Nguyễn Đình H và bà Trần Thị V phải trả cho Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng Sông Cửu L - chi nhánh Đồng Nai (nay đổi thành Ngân hàng TMCP phát triển TPHCM) số tiền 160.743.600 đồng và lãi suất thi hành án. Tài sản nhà và đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 41 thị trấn TB, huyện TB được đảm bảo thi hành án nghĩa vụ trả tiền

cho Ngân hàng. Buộc ông H và bà V phải nộp 7.429.744 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đồng thời ông Nguyễn Đình H và bà Trần Thị V phải thi hành 02 Quyết định thi hành án, cụ thể: Quyết định thi hành án số: 263/QĐ.THA ngày 05/12/2006 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB ban hành đã buộc ông H và bà V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng Sông Cửu L - chi nhánh Đồng Nai số tiền 160.743.600 đồng và lãi suất thi hành án; Quyết định số: 11/QĐ - THA ngày 01/10/2008 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB ban hành đã buộc ông H và bà V phải nộp 7.429.744 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Do mất khả năng thanh toán nên ngày 26/10/2006, gia đình bà V đã tự nguyện giao 225m² đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 41 thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai với tinh thần hợp tác thi hành án để thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB đã không đồng ý thực hiện theo luật định.

Căn cứ vào quyết định Thi hành án nêu trên, ngày 14/6/2007, Chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB là bà Lê Thị Kim Th đã ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số: 19/QĐTHA về việc cưỡng chế thi hành án đối với ông Nguyễn Đình H và bà Trần Thị V . Ngày 26/6/2007, Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB tiến hành cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nhưng ông H và bà V không tham gia; theo biên bản kê biên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB thì tài sản kê biên gồm:

- Diện tích 479,2m² đất thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 41, thị trấn TB, huyện TB.

- Mái hiên 1 diện tích 25,5m².
- Mái hiên 2 diện tích 24,5m².
- 01 điện kế chính.
- Nhà chính diện tích 38,2m².
- Nhà bếp 1 diện tích 18m².
- Nhà bếp 2 diện tích 20,2m².
- Chuồng heo diện tích 113m².
- Tường rào 1 diện tích 43,4m².
- Tường rào 2 diện tích 34,2m².
- Tường rào 3 diện tích 36,75m².
- Nhà tắm và nhà vệ sinh diện tích 6,2m².
- Bể nước 6,2m³.
- Sân xi măng diện tích 52,5m².
- Sân gạch 35,1m².
- Giếng đào 9,6m.
- Hồ chứa nước 12,2m².
- Cây măng cầu, xoài, mận.

Ngay sau khi bà V bị kê biên tài sản (ngày 26/6/2007), gia đình bà V đã liên tục làm đơn khiếu nại, tố cáo Chấp hành viên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB từ tháng 4/2008 đến đầu năm 2016. Ngày 11/6/2015 Chi cục Thi hành án dân

sự huyện TB ban hành kết luận số 01/KL-CCTHA bác toàn bộ đơn tố cáo của bà V; bà V tiếp tục khiếu nại kết luận này và đến ngày 25/12/2015, Cục thi hành án dân sự tỉnh ĐN ban hành Kết luận nội dung tố cáo số 30/KL - CTHA (Gọi tắt là Kết luận số 30) đã xác định: Đơn của bà Trần Thị V tố cáo Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB ban hành kết luận số 01/KL-CCTHA ngày 11/6/2015 không đúng quy định của pháp luật là có cơ sở. Đối với 04 nội dung bà V tố cáo chấp hành viên Lê Thị Kim Th, thì ba nội dung tố cáo không có cơ sở để chấp nhận, 01 nội dung có cơ sở chấp nhận là kê biên, phát mại tài sản lớn hơn nghĩa vụ phải thi hành án của đương sự. Sau khi nhận kết luận trên, bà V đã yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB bồi thường, ngày 25/7/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB ra quyết định giải quyết bồi thường số 01/BC-CCTHA nhưng bà V không đồng ý vì không thỏa đáng nên khởi kiện vụ án tại Tòa án.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB phải bồi thường cho nguyên đơn các khoản sau:

- + Chi phí sửa chữa nhà, chuồng heo số tiền: 251.000.000 đồng;
- + Tiền xây dựng thêm 01 gian nhà nối liền với nhà chính là : 67.232.960 đồng.

- + Chi phí lắp đặt hệ thống nước sạch là: 5.000.000 đồng.

- + Chi phí khởi kiện: 84.700.000 đồng.

- + Chi phí gửi đơn qua đường bưu điện: 23.470.000 đồng

- + Tiền thuê nhà từ tháng 7/2014 đến hết tháng 6/2021 là : 4.500.000đồng/tháng x 84 tháng = 387.000.000 đồng.

- + Tiền thu nhập bị mất do không chăn nuôi và không nấu rượu được, yêu cầu thanh toán bằng tiền lương tối thiểu tạm tính đến hết tháng 6/2021 là: 4.420.000đồng /tháng x 84 tháng = 358.020.000 đồng.

- + Số tiền chi phí kê biên, cưỡng chế tài sản mà Chi cục thi hành án còn thiếu của gia đình bà V: 49.856.000 đồng và lãi của số tiền trên tính từ tháng 6/2008 đến tháng 3/2021 theo mức lãi suất 1%/tháng là: 76.279.680 đồng (làm tròn 76.279.000 đồng).

- + Tiền chi phí thẩm định giá tài sản 04 lần: 69.321.000 đồng

- + Tiền thuê người kêu kiện từ tháng 4/2009 đến tháng 6/2016 là: 247.000.000 đồng.

- + Giá trị nhà, đất sau khi đã trừ cho Chi cục thi hành án là: 4.878.050.740 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần, sức khỏe với số tiền 100.000.000 đồng và buộc xin lỗi công khai tại nơi cư trú, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã rút yêu cầu này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã rút các yêu cầu sau:

- + Bồi thường chi phí sửa chữa nhà, chuồng heo với số tiền: 251.000.000 đồng

- + Trả lại số tiền chi phí kê biên, cưỡng chế tài sản mà Chi cục thi hành án còn thiếu của gia đình bà V là: 49.856.000 đồng cùng tiền lãi của số tiền trên tính từ tháng 6/2008 đến tháng 3/2021 theo mức lãi suất là 1%/tháng là: 76.279.680

đồng.

Ngày 15/4/2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền bán đấu giá tài sản còn lại là: 584.081.100 đồng, trong đó 265.072.127 đồng (sau khi đã thanh toán cho bà Ngô Thị C 21.285.000 đồng) và lãi của số tiền này là 319.008.973 đồng. Gia đình bà V đã nhận số tiền trên nên nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bồi thường số tiền còn lại là: **5.535.714.600 đồng.**

- Bị đơn Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB do ông Phan Hoài Trung D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB thừa nhận Kết luận số 30/KL-CTHA ngày 25/12/2015 của Cục thi hành án dân sự tỉnh ĐN và Văn bản số Văn bản số 450/TCTHADS-GQKNTC ngày 09/02/2017 của Tổng cục thi hành án dân sự là phù hợp với pháp luật.

Ngày 21/12/2007, Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB và Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đồng Nai ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản (lần 2) đối với tài sản đã kê biên trên. Ngày 28/02/2008, bà Phạm Hồng Y đã mua trúng đấu giá nhà và đất trên với giá 515.100.000 đồng. Ngày 26/6/2014, Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB tổ chức tiến hành cưỡng chế giao tài sản kê biên cho bà Phạm Hồng Y theo quy định pháp luật. Hiện nay, trên đất chỉ còn công sít diện tích 8,1m², các tài sản khác đều không còn do bị cưỡng chế.

Đối với số tiền 515.100.000 đồng, Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB đã chi cho Ngân hàng Đ số tiền 160.743.600 đồng và tiền án phí 7.429.744 đồng; Chi các khoản chi phí kê biên tài sản 2.508.429 đồng; chi phí bán đấu giá tài sản 13.302.000 đồng; chi tiền chi phí cưỡng chế giao tài sản 36.301.100 đồng; chi tiền nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất 8.458.000 đồng. Đồng thời, Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB đã chi cho bà Ngô Thị C số tiền 20.272.000 đồng và tiền án phí 1.013.000đồng; Tổng cộng 250.027.873 đồng. Số tiền còn lại 265.072.127đồng, Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB đã nhiều lần thông báo gia đình bà V đến nhận nhưng bà V không đến nhận nên Chi cục THA đã gửi tiết kiệm số tiền trên tại Ngân hàng. Ngày 18/4/2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB đã trả tiền bán đấu giá tài sản và tiền lãi cho gia đình bà V là **584.081.100 đồng.**

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối với các yêu cầu đúng quy định có đầy đủ hóa đơn, chứng từ chứng minh và có biên bản xác minh giá thuê nhà ở khu vực xung quanh trong mỗi năm 2014, 2015...đến hiện tại thì bị đơn chấp nhận, về chi phí thẩm định giá thì 03 lần thẩm định giá trước đây bị đơn đề nghị xem xét lại thời hạn và cũng không yêu cầu định giá lại, còn lần thứ 04 (chứng thư thẩm định giá ngày 07/01/2021) bị đơn không yêu cầu định giá lại, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh H , Nguyễn Đình Th , Trần Trung Nh đều trình bày:

Thời điểm năm 2006, ông Trần Trung Nh là Trưởng thi hành án dân sự huyện TB nên đã phân công cho chấp hành viên Lê Thị Kim Th thi hành quyết

định thi hành án số 263/QĐ-THA ngày 05/12/2006 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB . Ông Trần Thanh H là cán bộ giúp việc cho bà Th nên ngày 14/6/2007, chấp hành viên (bà Th) đã ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 19/QĐTHA về việc cưỡng chế thi hành án đối với ông Nguyễn Đình H và bà Trần Thị V . Đến ngày 26/6/2007 do bà Th không thể tham gia kê biên tài sản trên nên nhờ ông Trần Trung Nh tham gia kê biên tài sản trên giúp bà Th . Sau khi kê biên tài sản thì bà Th bị khiếu nại, tố cáo nên lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB phân công cho chấp hành viên Nguyễn Đình Th thực hiện việc cưỡng chế giao tài sản cho người mua trúng đấu giá để tránh việc khiếu nại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim Th trình bày:

Ông H và bà V là người phải thi hành án do đó phải thực hiện nghĩa vụ của người phải thi hành án theo quy định. Do tài sản thế chấp là nhà cấp 4 xây theo chiều ngang và công trình phụ chiếm gần hết đất nhưng ông H , bà V không tự nguyện thi hành, tài sản trên không thể chia tách nên cơ quan thi hành án phải phát mãi toàn bộ tài sản.

Bà không đồng ý Kết luận nội dung tố cáo số: 30/KL-CTHA ngày 25/12/2015 của Cục thi hành án dân sự tỉnh ĐN và bà cũng không có lỗi trong vụ án. Bà đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển VN, bà Ngô Thị C :

Không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DSST ngày 02/7/2021, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đã căn cứ các Điều 26; Điều 165; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 6; Điều 22; Điều 23; Điều 38; Điều 40; Điều 41; Điều 44; Điều 45; Điều 46 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về Án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Đồng Nai về việc: Bồi thường thiệt hại về tinh thần và sức khỏe số tiền: 100.000.000 đồng; Buộc xin lỗi công khai tại nơi cư trú; Bồi thường chi phí sửa chữa nhà, chuồng heo số tiền 215.000.000 đồng; Thanh toán chi phí thi hành án số tiền 49.856.000 đồng cùng tiền lãi của số tiền trên tính từ tháng 6/2008 đến tháng 3/2021 theo mức lãi suất là 1%/tháng là: 76.279.680 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V , chị Nguyễn Thị Thúy Ng , anh Nguyễn Khánh Th và chị Nguyễn Trần Phương Ng1 đối với Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Đồng Nai về việc "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động thi hành án".

Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB phải có nghĩa vụ bồi thường cho

bà Trần Thị V , chị Nguyễn Thị Thúy Ng , Nguyễn Trần Phương Ng1 và anh Nguyễn Khánh Th số tiền: 3.255.157.000 đồng (ba tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/7/2021, bà Trần Thị V , Nguyễn Thị Thúy Ng, Nguyễn Khánh Th , Nguyễn Trần Phương Ng1 – đại diện theo ủy quyền là bà Hồ Thị Th có đơn kháng cáo và đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng: nguyên đơn không có lỗi, tuyên buộc bị đơn phải bồi thường thêm các khoản chi phí khác với tổng số tiền 5.506.154.267 đồng.

Ngày 16/7/2021, Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB kháng cáo và đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm giải quyết vụ án chưa phù hợp pháp luật, thẩm định giá tài sản không đúng.

Ngày 12/7/2021, bà Lê Thị Kim Th kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn có một phần lỗi không tự nguyện thi hành án là chưa phù hợp với quy định của pháp luật vì nghĩa vụ phải thi hành án của nguyên đơn là nghĩa vụ trả tiền nợ. Trong sự việc này, chấp hành viên đã tiến hành cưỡng chế kê biên tài sản không đúng quy định được xác định tại Kiến nghị về việc xử lý và phòng ngừa vi phạm pháp luật số 02/VKSTC-C6(P5) ngày 26/01/2015 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Văn bản số 450/TCTHADS-GQKNTC ngày 09/02/2017 của Tổng cục thi hành án dân sự nên trách nhiệm bồi thường là hoàn toàn thuộc về Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB .

Về thiệt hại thực tế của gia đình nguyên đơn gồm có các chi phí hợp lý sau (có những chi phí phát sinh theo thời gian):

- Tiền xây dựng thêm 01 gian nhà sau khi bị cưỡng chế kê biên: 67.232.960 đồng.

- Chi phí lắp đặt hệ thống nước sạch là: 5.000.000 đồng.

- Chi phí khởi kiện: 108.102.960 đồng.

- Chi phí gửi đơn thư: 17.026.367 đồng

- Tiền thuê nhà từ tháng 7/2014 đến tháng 4/2023 là: 468.000.000 đồng.

- Tiền thu nhập bị mất theo tiền lương tối thiểu vùng tạm tính đến hết tháng 4/2023 là: 371.280.000 đồng.

- Chi phí thuê người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: 447.000.000 đồng (từ tháng 4/2009 đến tháng 6/2016 là: 247.000.000 đồng + hợp đồng vụ vụ pháp lý năm 2023: 200.000.000 đồng).

- Thiệt hại nhà, đất sau khi đã trừ nghĩa vụ thi hành án: 4.291.657.000 đồng.

- Tiền chi phí thẩm định giá tài sản 04 lần: 69.321.000 đồng

Tổng cộng: 5.844.620.287 đồng.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định lỗi hoàn toàn thuộc về bị đơn và chấp nhận toàn bộ thiệt hại nêu trên của nguyên đơn, buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn tổng số tiền 5.844.620.287 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB khi giải quyết việc thi hành án, trong đó ông H, bà V là người phải thi hành án, về trình tự, quy trình giải quyết thi hành án dân sự thì việc tự nguyện thi hành án hay không tự nguyện thi hành án của đương sự không phải là căn cứ để xác định lỗi của người phải thi hành án. Mặt khác, khi giải quyết thi hành án, gia đình ông H, bà V có đề nghị giao đất cho cơ quan thi hành án (ngang 4,5m x dài 50m) để bán tài sản trả nợ cho người được thi hành án. Việc này được xác định rõ tại Kết luận 30/KL-CTHA ngày 25/12/2015 của Cục thi hành án dân sự tỉnh ĐN, Kiến nghị về việc xử lý và phòng ngừa vi phạm pháp luật số 02/VKSTC-C6(P5) ngày 26/01/2015 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Văn bản số 450/TCTHADS-GQKNTC ngày 09/02/2017 của Tổng cục thi hành án dân sự xác định việc bán tài sản là diện tích 479,2m² đất thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 41, thị trấn TB, huyện TB và các công trình gắn liền với đất như nhà ở, nhà vệ sinh, giếng, chuồng heo... của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB là không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại đến quyền lợi tài sản của gia đình ông Hải, bà Vinh. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định lỗi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB là 03 lần so với người phải thi hành án và gia đình bà V có lỗi một phần theo tỷ lệ ¼ vì không tự nguyện giao tài sản thi hành án là chưa phù hợp.

Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá số 157/CT- TĐG ngày 09/10/2017 của công ty Cổ phần thẩm định giá SV (đối với phần tài sản) và Chứng thư thẩm định giá số 06/CT-TĐG ngày 07/01/2021 của Công ty cổ phần định giá ĐT (đối với quyền sử dụng đất) thì tổng trị giá tài sản là: 6.606.065.333 đồng. Căn cứ việc bán đấu giá thành với số tiền 515.100.000 đồng, số tiền ông H, bà V phải thi hành án là 167.503.344 đồng, tức là vượt quá giá trị tài sản phải thi hành án với tỷ lệ 67,5%. Như vậy, giá trị tài sản gia đình bà V bị thiệt hại được xác định là 6.606.065.333 x 67,5% = 4.459.094.000 đồng.

+ Nguyên đơn yêu cầu bồi thường khoản thiệt hại do phải thuê nhà từ tháng 7/2014 thời điểm xét xử sơ thẩm là 387.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào biên bản xác minh giá thuê phòng trọ, nhà nguyên căn để ở khu vực xung quanh thị trấn TB trong các năm 2014, 2015 đến hiện tại thì nhà ở nguyên căn có giá thuê dao động khoảng từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng, phòng trọ

giá khoảng 1.000.000 đồng/tháng (Bút lục 1508). Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận mức 2.500.000 đồng tháng x 84 tháng = 210.000.000đồng là phù hợp với giá thuê nhà thực tế.

+ Tòa án cấp sơ thẩm xác định mức thu nhập thực tế phía nguyên đơn bị mất căn cứ vào mức lương tối thiểu vùng tại địa phương (thị trấn huyện TB) tại thời điểm giải quyết bồi thường để tính là: 4.420.000đồng/tháng x 84 tháng = 371.280.000 đồng là phù hợp, có căn cứ.

+ Nguyên đơn yêu cầu bồi thường khoản chi phí: gửi đơn thư từ tháng 4/2008 đến tháng 7/2016 số tiền là 8.086.367đồng; chi phí in ấn tài liệu để khiếu nại, khởi kiện số tiền là 7.944.000đồng. Các khoản này có chứng từ hợp pháp nên được xem xét, chấp nhận.

+ Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bồi thường chi phí thuê người tư vấn pháp luật, từ tháng 4/2008 đến tháng 6/2016 với số tiền 247.500.000đồng nhưng không cung cấp chứng từ hợp lệ nên không chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp hợp đồng dịch vụ pháp lý với số tiền 200.000.000đồng và yêu cầu được xem xét bồi thường cho khoản chi phí này. Xét yêu cầu này mới phát sinh ở giai đoạn phúc thẩm, không thuộc trường hợp được xem xét bồi thường theo quy định nên không có cơ sở chấp nhận.

+ Các khoản yêu cầu bồi thường: tiền xây dựng 1 gian nhà 67.232.960 đồng, tiền chi phí lắp đặt nước sạch 5.000.000 đồng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh và tại cấp sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu nên không có cơ sở xem xét.

Như vậy, tổng số tiền bị thiệt hại trong vụ án này có cơ sở chấp nhận gồm: 4.459.094.000đ + 210.000.000đ + 371.280.000đ + 8.086.367đ + 7.944.000đ = 5.056.404.367đồng.

Do nguyên đơn đã nhận số tiền 584.081.100 đồng nên buộc bị đơn bồi thường tiếp số tiền 4.472.323.267 đồng.

Bị đơn kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm, không đồng ý các khoản bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn và không đồng ý với kết quả định giá tài sản ở lần xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm, bị đơn không thắc mắc, khiếu nại gì về kết quả định giá, cũng không có yêu cầu định giá lại. Tòa án sử dụng kết quả thẩm định giá của 02 Chứng thư thẩm định giá trên làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bà Th cho rằng bà không đồng ý Kết luận nội dung tố cáo số: 30/KL-CTHA ngày 25/12/2015 của Cục thi hành án dân sự tỉnh ĐN và bà cũng không có lỗi trong vụ án. Tại đơn kháng cáo, bà đề nghị Tòa án xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tại phiên tòa hôm nay bà thay đổi kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Như đã phân tích tích trên, có căn cứ xác định lỗi trong việc bán tài sản thi hành án của nguyên đơn. Do đó, kháng cáo của bà Th là không có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của các nguyên đơn; Không chấp nhận kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

TB và kháng cáo của bà Lê Thị Kim Th ; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 02/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB phải có nghĩa vụ bồi thường cho các nguyên đơn số tiền 4.472.323.000 đồng.

Về chi phí tố tụng và án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của các nguyên đơn bà Trần Thị V , chị Nguyễn Thị Ngọc Thúy, chị Nguyễn Khánh Th , chị Nguyễn Trần Phương Ng1; bị đơn Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim Th được nộp trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự trong vụ án:

Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về áp dụng pháp luật:

Vụ án này được thụ lý lần đầu trước ngày 01/7/2018, sau đó bị cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy toàn bộ bản án, ngày 31/12/2019 Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thụ lý giải quyết lại nên áp dụng Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số: 35/2009/QH12 ngày 18/6/2009 để giải quyết.

[4] Về nội dung kháng cáo:

Tại Kết luận nội dung tố cáo số: 30/KL-CTHA ngày 25/12/2015 của Cục thi hành án dân sự tỉnh ĐN đã kết luận: “*Đơn của bà Trần Thị V tố cáo Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB ban hành kết luận số 01/KL-CCTHA, ngày 11/6/2015 không đúng quy định của pháp luật là có cơ sở. Đối với nội dung bà V tố cáo Chi cục THA cố ý giải quyết sai sự thật để bao che cho hành vi sai phạm của Chấp hành viên Lê Thị Kim Th trong việc tổ chức thi hành án là không có cơ sở chấp nhận, bởi vì trong bốn nội dung bà V tố cáo Chấp hành viên, thì ba nội dung tố cáo không có cơ sở để chấp nhận, một nội dung có cơ sở chấp nhận là kê biên, phát mãi tài sản lớn hơn nghĩa vụ phải thi hành án của đương sự*”.

Căn cứ Văn bản số 450/TCTHADS-GQKNTC ngày 09/02/2017 của Tổng cục thi hành án dân sự xác định:

“Trong quá trình kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, Chấp hành viên đã mắc phải hai sai lầm nghiêm trọng:

Một là, bỏ qua đề nghị của người phải thi hành án về việc chia, tách tài sản tương ứng với nghĩa vụ thi hành án của người phải thi hành án mặc dù tài sản đó có thể chia tách được.

Hai là, khi kê biên, xử lý tài sản, Chấp hành viên không tạm tính trị giá các tài sản định kê biên để kê biên tương ứng với nghĩa vụ thi hành án và thanh toán

các chi phí thi hành án, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 173/2004/NĐ-CP của Chính Phủ”.

Tại Kiến nghị về việc xử lý và phòng ngừa vi phạm pháp luật số 02/VKSTC-C6(P5) ngày 26/01/2015 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao xác định: “*Quá trình tổ chức thi hành án khi làm việc với người phải thi hành án, chấp hành viên Lê Thị Kim Th không chấp nhận yêu cầu tự nguyện của gia đình bà V giao diện tích ngang 4,5m x dài 50m để thi hành án mà yêu cầu ông H , bà V giao diện tích 05m x 50m để phát mại, sau khi phát mại còn thừa sẽ trả lại cho gia đình bà Vinh. Như vậy, chấp hành viên nhận thức được việc kê biên diện tích ngang 4,5m x dài 50m đã đủ để thi hành án nhưng lại cưỡng chế kê biên toàn bộ tài sản nhà, đất của ông H , bà V là vượt quá nghĩa vụ phải thi hành án và trái với ý chí của người phải thi hành án.”*

Căn cứ các văn bản nêu trên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB bồi thường là phù hợp với quy định tại các Điều 6, 22, 23, 38, 40, 41, 44 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà năm 2009.

Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá số: 157/CT- TĐG ngày 09/10/2017 của công ty Cổ phần thẩm định giá SV (đối với phần tài sản) và Chứng thư thẩm định giá số: 06/CT-TĐG ngày 07/01/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá ĐT (đối với quyền sử dụng đất) thì tổng trị giá tài sản là: 6.606.065.333 đồng.

Căn cứ việc bán đấu giá thành được số tiền 515.100.000 đồng, số tiền ông H , bà V phải thi hành án cho Ngân hàng Đ là 160.073.600 đồng, tiền án phí 7.429.744 đồng, tổng cộng là 167.503.344 đồng thì giá trị tài sản phải thi hành án vượt quá với tỷ lệ 67,5%. Cấp sơ thẩm xác định giá trị tài sản gia đình bà V bị thiệt hại là $6.606.065.333 \times 67,5\% = 4.459.094.000$ đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngoài thiệt hại về tài sản, các khoản chi phí hợp lý khác được tính theo Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BTP-BQP ngày 07 tháng 12 năm 2015 về việc hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự còn bao gồm:

Khoản thiệt hại do phải thuê nhà từ tháng 7/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (tháng 6/2021):

Nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng thuê nhà nhưng việc gia đình nguyên đơn phải thuê nhà để ở là có thật. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào biên bản xác minh giá thuê phòng trọ, nhà nguyên căn để ở khu vực xung quanh thị trấn TB trong các năm 2014, 2015... đến hiện tại thì nhà nguyên căn khoảng 2.500.000đồng đến 3.000.000 đồng/tháng, phòng trọ giá khoảng 1.000.000 đồng/tháng và chấp nhận mức 2.500.000đ/tháng x 84 tháng = **210.000.000** đồng là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, phía bị đơn cung cấp các biên bản xác minh về giá thuê phòng trọ (có diện tích khoảng 12m², có gác lửng) có giá thuê từ 500.000đ-700.000đ/tháng, xét phòng trọ trên không phù hợp với nhu cầu ở cho gia đình có nhân khẩu 06 người nên không có cơ sở xem xét.

Thu nhập bị mất của nguyên đơn thuộc trường hợp không ổn định và không có cơ sở xác định cụ thể nên căn cứ vào mức lương tối thiểu vùng tại địa phương

nơi người bị thiệt hại cư trú tại thời điểm giải quyết bồi thường để tính là: $4.420.000\text{đồng/tháng} \times 84 \text{ tháng} = 371.280.000 \text{ đồng}$.

Khoản chi phí gửi đơn thư, chi phí in ấn trong quá trình khiếu nại, tố cáo:

Chi phí gửi đơn thư từ tháng 4/2008 đến tháng 7/2016 là nguyên đơn cung cấp được chứng từ hợp pháp với số tiền là **8.086.367 đồng** nên được xem xét, chấp nhận. Còn chi phí gửi đơn thư từ tháng 4/2008 đến tháng 5/2014 nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

Chi phí in ấn tài liệu trong quá trình khiếu nại, tố cáo từ tháng 6/2014 đến tháng 7/2016 nguyên đơn cung cấp được chứng từ là **7.944.000 đồng** nên được chấp nhận, còn các thời gian còn lại nguyên đơn không cung cấp được hồ đơn, chứng từ nên không có cơ sở chấp nhận.

Khoản chi phí thuê người tư vấn pháp luật, viết đơn trong quá trình khiếu nại, tố cáo:

Nguyên đơn yêu cầu bồi thường thuê người tư vấn pháp luật, viết đơn trong quá trình khiếu nại, tố cáo từ tháng 4/2008 đến tháng 6/2016 với số tiền 247.500.000 đồng nhưng không cung cấp được hợp đồng dịch vụ pháp lý nào liên quan đến chi phí này nên không có cơ sở xem xét. Đối với yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 200.000.000 đồng theo hợp đồng vụ vụ pháp lý ngày 22/02/2023, do yêu cầu này chưa được xem xét tại cấp sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Các khoản yêu cầu bồi thường: tiền xây dựng một gian nhà 67.232.960 đồng, tiền chi phí lắp đặt nước sạch 5.000.000 đồng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh và tại cấp sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu nên không có cơ sở xem xét.

Như vậy, tổng số tiền bị thiệt hại trong vụ án này được xác định là $4.459.094.000\text{đ} + 210.000.000\text{đ} + 371.280.000\text{đ} + 8.086.367\text{đ} + 7.944.000\text{đ} = 5.056.404.367\text{đ}$.

- Xét về lỗi:

Căn cứ Kiến nghị về việc xử lý và phòng ngừa vi phạm pháp luật số 02/VKSTC-C6(P5) ngày 26/01/2015 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kết luận nội dung tố cáo số: 30/KL-CTHA ngày 25/12/2015 của Cục thi hành án dân sự tỉnh ĐN, Văn bản số 450/TCTHADS-GQKNTC ngày 09/02/2017 của Tổng cục thi hành án dân sự xác định Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB khi giải quyết việc thi hành án đã kê biên, phát mãi tài sản lớn hơn nghĩa vụ phải thi hành án của đương sự. Mặc khác, khi giải quyết thi hành án, gia đình ông H, bà V tự nguyện đề nghị giao đất ngang 4,5mx dài 50m cho cơ quan thi hành án để bán tài sản trả nợ cho người được thi hành án (*theo biên bản làm việc tại Chi cục thi hành án ngày 08/5/2007*), như vậy, phía nguyên đơn không có lỗi không tự nguyện thi hành án.

Cấp sơ thẩm xác định lỗi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB là 03 lần

so với người phải thi hành án và gia đình nguyên đơn có lỗi theo tỷ lệ $\frac{1}{4}$ là chưa phù hợp. Vì vậy, cần buộc bị đơn phải bồi thường toàn bộ số tiền thiệt hại, do nguyên đơn đã nhận số tiền 584.081.100 đồng nên buộc bị đơn bồi thường tiếp số tiền **4.472.323.267 đồng**.

Nguyên đơn kháng cáo cho rằng nguyên đơn không có lỗi và đề nghị buộc bị đơn phải bồi thường thêm các khoản chi phí hợp lý khác so với cấp sơ thẩm đã tuyên và chi phí phát sinh theo thời gian, yêu cầu bồi thường tổng số tiền 5.826.154.267 đồng. Như đã nhận định phần trên, kháng cáo của nguyên đơn phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử, quy định của pháp luật nên được chấp nhận một phần.

Bị đơn kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm, không đồng ý các khoản bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn và không đồng ý với kết quả thẩm định giá tài sản ở lần xét xử sơ thẩm do chứng thư đã quá 06 tháng. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị đơn không yêu cầu thẩm định giá lại, cũng không cung cấp được căn cứ nào khác về mức giá. Tòa án sơ thẩm sử dụng kết quả thẩm định giá của 02 Chứng thư thẩm định giá trên làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp. Ngoài ra, bị đơn cho rằng các khoản chi phí cấp sơ thẩm chấp nhận cho nguyên đơn không phù hợp với quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BTP-BQP ngày 07/12/2005 của Bộ tư pháp - Bộ quốc phòng. Như đã nhận định phần trên, cấp phúc thẩm đã xem xét chấp nhận những khoản chi phí hợp lý theo quy định. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo hủy án của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị Kim Th kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bà không đồng ý Kết luận nội dung tố cáo số: 30/KL-CTHA ngày 25/12/2015 của Cục thi hành án dân sự tỉnh ĐN và bà cũng không có lỗi trong vụ án. Bà đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng đã sử dụng chứng thư thẩm định giá quá thời hạn, thu thập chứng cứ chưa khách quan.... Như đã phân tích tích trên, có căn cứ xác định lỗi của bị đơn trong việc bán tài sản thi hành án của nguyên đơn. Do đó, kháng cáo đề nghị hủy án của bà Th là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB hoàn trả chi phí thẩm định giá tài sản và định giá tài sản 04 lần với số tiền là 69.321.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 165 Bộ luật tố tụng Dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB phải hoàn trả toàn bộ số tiền trên cho nguyên đơn.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB phải nộp 112.772.323 đồng án phí DSST.

Hoàn trả cho bà V, chị Ng, Ng1 và anh Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 006675 ngày 30/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB .

[5.2]Án phí dân sự phúc thẩm:

Các nguyên đơn không phải chịu án phí DSPT, hoàn trả lại cho bà V, chị Ng, anh Th, chị Ng1 mỗi người số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu tiền số 0007724, 0007725, 0007726, 0007727 ngày 22/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB .

Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB phải nộp 300.000 án phí DSPT, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007729 ngày 22/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB (đã nộp xong).

Bà Th phải chịu 300.000đ án phí DSPT được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007728 ngày 22/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB (đã nộp xong).

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp một phần với những chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ; nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận một phần.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc giải quyết vụ án phù hợp với những chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ; phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của của các nguyên đơn bà Trần Thị V , chị Nguyễn Thị Thúy Ng, chị Nguyễn Khánh Th , chị Nguyễn Trần Phương Ng1; Không chấp nhận kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB và kháng cáo của bà Lê Thị Kim Th ; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 02/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 148; Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 6; Điều 22; Điều 23; Điều 38; Điều 40; Điều 41; Điều 44; Điều 45; Điều 46 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009; Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BTP-BQP ngày 07 tháng 12 năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị V , chị Nguyễn Thị Thúy Ng , anh Nguyễn Khánh Th và chị Nguyễn Trần Phương Ng1 đối với Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Đồng Nai về việc "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động thi hành án".

Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Trần Thị V, chị Nguyễn Thị Thúy Ng, Nguyễn Trần Phương Ng1 và anh Nguyễn Khánh Th số tiền: **4.472.323.267đ (Bốn tỷ bốn trăm bảy mươi hai triệu ba trăm hai mươi ba ngàn hai trăm sáu mươi bảy đồng)**

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành thì còn phải chịu khoản lãi tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án xong theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Đồng Nai về việc: Bồi thường thiệt hại về tinh thần và sức khỏe số tiền: 100.000.000 đồng; Buộc xin lỗi công khai tại nơi cư trú; Bồi thường chi phí sửa chữa nhà, chuồng heo số tiền 215.000.000 đồng; Thanh toán chi phí thi hành án số tiền 49.856.000 đồng cùng tiền lãi của số tiền trên tính từ tháng 6/2008 đến tháng 3/2021 theo mức lãi suất là 1%/tháng là: 76.279.680 đồng.

2. Về chi phí tố tụng:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB có nghĩa vụ thanh toán cho bà V, chị Ng, chị Ng1 và anh Th số tiền 69.321.000đ (Sáu mươi chín triệu ba trăm hai mươi một ngàn đồng).

3. Về án phí:

-Án phí dân sự sơ thẩm:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB phải nộp 112.772.323đ (Một trăm mười hai triệu bảy trăm bảy mươi hai ngàn ba trăm hai mươi ba đồng) án phí DSST.

Hoàn trả cho bà V, chị Ng, Ng1 và anh Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 006675 ngày 30/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB

-Án phí dân sự phúc thẩm:

Các nguyên đơn không phải chịu án phí DSPT, hoàn trả lại cho bà V, chị Ng, anh Th, chị Ng1 mỗi người số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu tiền số 0007724, 0007725, 0007726, 0007727 ngày 22/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB .

Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSPT, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007729 ngày 22/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB (đã nộp xong).

Bà Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSPT được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007728 ngày 22/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB (đã nộp xong).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu.

Bùi Lan Hương